

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-05-2023

*"V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình".*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 05 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 590/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thùy T**, sinh năm: 1980 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp V, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Trung Trị, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2022 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thùy T và anh Minh T do quen biết, rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm vào ngày 07/11/2002. Sau ngày cưới vợ chồng chị Thùy T sống bên gia đình chồng tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cãi với nhau, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên đi nhậu, ghen tuông vô cớ. Hiện nay chị T và anh T đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay, chị T thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/11/1999 và Nguyễn Trần L C, sinh ngày 26/9/2002. Hiện nay cháu Thùy L và Linh C đã thành niên nên chị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả: Chị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 30 tháng 03 năm 2023 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:***

- Về mối quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn, giữa anh T và chị T không có mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến chị T phải yêu cầu ly hôn với anh. Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy T thì anh T không đồng ý do anh T vẫn muốn gia đình đoàn tụ. Nếu trường hợp chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn với điều kiện chị T đồng ý chia tài sản chung.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/11/1999 và Nguyễn Trần L C, sinh ngày 26/9/2002. Hiện nay cháu Thùy L và L C đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T và chị T có 15 chỉ vàng 24K và chiếc xe Gream Trung Quốc mua 6.000.000đ, số vàng thì hiện nay chị T đang quản lý, còn chiếc xe chị T đã bán. Nay anh T yêu cầu chị T phải chia cho anh T 03 chỉ vàng 24K và mua chiếc xe Gream Trung Quốc trả lại cho anh T.

- Về nợ chung phải thu phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh Nguyễn Minh T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Minh T do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã Trung Hiệp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 07/11/2002 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét thấy, chị T và anh T đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân, anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài mà không hàn gắn đoàn tụ được, đã cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện nay chị T và anh T cũng không còn tình cảm với nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Minh T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/11/1999 và Nguyễn Trần L C, sinh ngày 26/9/2002. Hiện nay cháu Thùy L và L C đã thành niên, chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thùy T không thừa nhận có tài sản chung như anh T trình bày là trong thời kỳ hôn nhân có 15 chỉ vàng 24K và chiếc xe Gream Trung Quốc mua 6.000.000đ. Anh T yêu cầu chị T phải chia cho anh 03 chỉ vàng 24K và mua trả lại cho anh chiếc xe Gream Trung Quốc. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu anh T phải làm đơn khởi kiện phản tố đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật, anh T không thực hiện, nên yêu cầu chia tài sản chung của anh T, không được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Anh Nguyễn Minh T được

quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Minh T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy T.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

[2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 23/11/1999 và Nguyễn Trần L C, sinh ngày 26/9/2002. Hiện nay cháu Thùy L và L C đã thành niên, chị Trần Thị Thùy và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh T được quyền khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Minh T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thùy T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰-008922 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trần Thị Thùy T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Huỳnh Văn Vui

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Vui

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Thanh Bình;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu.

Huỳnh Văn Vui

